**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1**

*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION*

***(Kèm theo quyết định số/attachment with decision:*** 505 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** 09 ***tháng 3 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

| | |
|---|---|
| Tên phòng thí nghiệm: | **Phòng thử nghiệm khoáng sản Núi Pháo** |
| *Laboratory:* | ***Nui Phao Minerals Laboratory*** |
| Tổ chức /Cơ quan chủ quản: | **Công ty SGS Việt Nam TNHH** |
| *Organization:* | ***SGS Vietnam Limited*** |
| Số hiệu/ *Code:* | **VILAS 825** |
| Chuẩn mực công nhận<br>*Accreditation criteria* | **ISO/IEC 17025:2017** |
| Lĩnh vực: | **Hóa** |
| *Field:* | ***Chemical*** |
| Người quản lý: | **Cao Văn Đông** |
| *Laboratory manager:* | ***Cao Van Dong*** |
| Hiệu lực công nhận<br>*Period of Validation:* | **từ ngày**09 **/ 3 /2026 đến ngày 31/3/2027** |
| Địa chỉ:<br>*Address*: | **198 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh**<br>***198 Nguyen Thi Minh Khai street, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city*** |
| Địa điểm:<br>*Location:* | **Mỏ Núi Pháo, xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên**<br>***Nui Phao site, Suoi Cat Hamlet, An Khanh Commune, Thai Nguyen province*** |
| Điện thoại/ *Tel*: | **0208 2213 416** |
| Email: | **sgs.vietnam@sgs.com** |
| Website: | **www.sgs.com** |

**Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa**
*Field of testing: Chemical*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested* | Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests* | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement* | Phương pháp thử/ *Test method* |
|---|---|---|---|---|
| 1. | **Huỳnh thạch (Fluorspar/Fluorit) cấp axít, Huỳnh thạch (Fluorspar/ Fluorit)** ***Acid-grade fluorspar, other type of fluorspar*** | Xác định hàm lượng Canxi florua ($CaF_2$)<br>Phương pháp chuẩn độ phức chất/ complexometric<br>*Determination of Calcium fluoride ($CaF_2$) content*<br>*Complexometric titrimetry method* | (60 ~ 99,9) % | ASTM E815-24 |
| 2. | **Chất thải rắn, bùn thải** ***Solid wastes, sludges*** | Xác định hàm lượng Hg<br>Phương pháp ngâm chiết độc tính và kỹ thuật quang phổ hấp thụ nguyên tử hóa hơi lạnh<br>*Determination of Hg content*<br>*Toxicity characteristic leaching procedure by cold-vapor atomic absorption method* | 0,01 mg/L | US EPA 1311:1992 (Chiết mẫu/ *sample extraction*)<br>SMEWW 3112B:2023 (Phá mẫu và phân tích mẫu/ *Sample digestion and analysis*) |
| 3. | **Sản phẩm đồng tinh luyện (*) và đồng hạt** ***Refined copper products and copper metals*** | Xác đinh hàm lượng Cu tổng<br>Phương pháp điện phân<br>*Determination of total Cu content*<br>*Electrogravimetry method* | 50 % | NUPH-TST-SOP-8137:2024 |
| 4. | **Quặng vonfram - đa kim** ***Tungsten ore - polymetallic*** | Xác định hàm lượng Bi, Cu, S, Si, W<br>Phương pháp oxi hóa - nung chảy với borat và phân tích bởi thiết bị quang phổ tán xạ huỳnh quang tia X<br>*Determination of elements: Bi, Cu, S, Si, W content*<br>*Oxidizing - borate fusion and WD X-ray fluorescence spectrometry method* | Bi: 0,01 %<br>Cu: 0,01 %<br>S: 0,03 %<br>Si: 0,03 %<br>W: 0,01 % | NUPH-TST-SOP-8018:2025 |

**Ghi chú/*Note*:**
ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*.
SMEWW: Các phương pháp chuẩn thử nghiệm nước và nước thải/
*Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*.
US EPA: Cơ quan bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ/ *United States Environmental Protection Agency*.
NUPH-TST-SOP …: Phương pháp do Phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method.*
WD: Tán xạ /*Wavelength Dispersive.*
(*) Sản phẩm đồng tinh luyện Phòng thí nghiệm sử dụng tên thương mại là Đồng xi măng/
*The Refined copper products use in the laboratory under the trade name is Copper cement*

Trường hợp Công ty SGS Việt Nam TNHH cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty SGS Việt Nam TNHH phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for SGS Vietnam Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*